TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 11 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1986; thường trú: 40/11, Đường V, khu phố T, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Số D, Đường V, khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: 4 Đường V, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2) Bị đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm: 1977; thường trú: 40/11, Đường V, khu phố T, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Số D, Đường V, khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn T quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu ông bà tự nguyện chung sống từ năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là: xã B, tỉnh Ninh Bình), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 58-2008 ngày 25/8/2009. Quá trình chung sống bà H và ông Vũ

Văn T có 03 người con chung tên Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 25/02/2010; Vũ Thị Thu H1, sinh ngày 07/06/2012 và Vũ Thị Thanh A, sinh ngày 02/6/2021.

Thời gian đầu sau khi kết hôn bà H và ông T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sống chung được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng hay cãi nhau, mỗi lần cãi nhau ông T lại đuổi mẹ con bà H ra khỏi nhà. Nhưng bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng hơn là khoảng tháng 10 năm 2024, ông T tự động làm đơn thuận tình ly hôn và yêu cầu tôi ký vô đơn, lúc đầu tôi không ký, sau đó ông T dùng những lời lẽ không hay nên bà H đồng ý ký đơn nhưng ông T không nộp cho Tòa án. Ngoài ra, trong quá trình chung sống bà H không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống vợ chồng, cả hai đã sống riêng từ tháng 4 năm 2025 đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà H và ông T không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì không yêu cầu.

Hiện tại, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Vũ Văn T, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Vũ Văn T.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Vũ Thị Thanh A; yêu cầu ông Vũ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung tên: Vũ Thị Hải Y, Vũ Thị Thu H1, nếu các con chung quyết định ở với cha hoặc mẹ thì người đó được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, người còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà H là công việc may gia công tại nhà, mức thu nhập trung bình hàng tháng của là 15.000.000đồng/tháng, có nhiều thời gian để chăm sóc, đưa đón các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân, về số con chung; nơi sinh sống của hai vợ chồng sau khi kết hôn.

Ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không phải là mâu thuẫn gì trầm trọng. Do ông T nóng giận vì có thể bà H đã nói câu gì đó làm ông T không kiểm soát được nên đã to tiếng với bà H, sự việc cãi nhau này xảy ra vào ngày 30/3/2025, từ sự việc này bà H giận nên đã dẫn các con bỏ ra khỏi nhà sống ở ngoài từ đó đến nay nên vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 4 năm 2025 đến nay. Ông T khẳng định chỉ cãi nhau thôi chứ không có hành động bạo lực gia đình gì khác, từ trước đến nay ông T cũng chưa bao giờ dùng bạo lực gia đình đối với bà H. Sau khi bà H ra ngoài sống riêng thì ông T đã đi tìm nhà trọ ở của 03 mẹ con, xin lỗi vợ và các con đồng thời cố gắng khuyên vợ con bỏ qua mà quay về nhà chung sống với nhau, xây dựng lại gia đình hạnh phúc, ông T cũng đã về nhà cha mẹ bên vợ xin lỗi, mong mọi người cùng khuyên và hòa giải cho hai vợ chồng nhưng do bà H vẫn kiên quyết không tha thứ và không đưa con quay về chung sống, ông T xác định không còn mâu thuẫn gì khác.

Sau khi bà H sống riêng, ông T có chuyển cho bà H 01 lần số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 10/5/2025 để phụ bà H lo cho các con học tập, sinh hoạt; sau lần đó

ông T không chu cấp nữa, lý do không chu cấp vì mong muốn vợ con quay về ở sống chung thì ông T sẽ lo toàn bộ, nếu không thì không chuyển nữa.

Thời gian vợ chồng có mâu thuẫn không yêu cầu địa phương hòa giải.

Nay ông T xác định tình cảm của mình với bà Trần Thị H vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Trường hợp Tòa án xét xử phải ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Vũ Thị Thanh A, sinh ngày 02/6/2021, tôi không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên: Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 25/02/2010; Vũ Thị Thu H1, sinh ngày 07/06/2012, nếu các con chung quyết định ở với cha hoặc mẹ thì người đó được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trường hợp ông T là người trực tiếp nuôi con thì không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công việc, ông T là kỹ sư thủy lợi, làm cho Công ty TNHH X, làm giờ hành chính nhưng thường tăng ca và hay đi công trình xa, hiện tại đang đi công trình trong Thành phố Hồ Chí Minh, mức lương trung bình mỗi tháng của ông T là 25.000.000 đồng, ngoài ra ông T còn có thu nhập từ việc cho thuê 01 căn nhà, mỗi tháng 3.500.000 đồng, tổng thu nhập trung bình hàng tháng của ông T là 28.500.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn không có ý kiến trình bày nào khác, không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Vũ Văn T; Về con chung: Giao 03 người con chung tên Ngô Anh T1, sinh ngày 20/10/2012; Ngô Thị Anh T2, sinh ngày 02/4/2010; Ngô Tiến Đ, sinh ngày 18/11/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung, mỗi con chung cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Vũ Văn T có nơi cư trú tại số K, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn T xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là: xã B, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 58-2008 ngày 25/8/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn T với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông T thường có những lời lẽ không hay đối với bà H, quá trình chung sống bà H không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống vợ chồng, cả hai đã sống riêng từ tháng 4 năm 2025 đến nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông Vũ Văn T nữa, không muốn quay về chung sống đoàn tụ với ông T, không còn qua tâm đến cuộc sống của ông T nữa.

Ông Vũ Văn T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đời sống chung không có hạnh phúc nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đáng kể, ông T thừa nhận vợ chồng có cãi nhau, nhưng chưa sử dụng bạo lực gia đình với bà H lần nào. Do bà H giận dỗi cùng các con bỏ ra ngoài sinh sống nên cả hai đã sống riêng từ tháng 4 năm 2025 đến nay, mặc dù ông T có tìm và khuyên bà H đưa các con quay về nhưng bà H không đồng ý.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Vũ Văn T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được động viên, hòa giải và ông T cũng xin lỗi bà H và hứa thay đổi nhưng bà H xác định không còn tình cảm và không còn muốn chung sống với ông T. Về phía ông T, mặc dù mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong thời gian hai vợ chồng sống riêng đã không có những biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm. Mặt khác, khi sống riêng thì 03 người con chung đã sống cùng bà H, được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đi học đầy đủ nhưng trong suốt thời gian này ông T đã bỏ mặc, không cùng bà Hương P tài chính lo cho các con chung, ông T cho rằng khi nào bà H và các con quay về sống chung với ông T thì ông T mới có nghĩa vụ nuôi dưỡng chung là không phù hợp, không tạo được sự tin tưởng của bà H đối với ông T.

Do tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị H và ông Vũ Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy

có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc ly hôn với ông Vũ Văn T.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trần Thị H và ông Vũ Văn T có 03 người con tên Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 25/02/2010; Vũ Thị Thu H1, sinh ngày 07/06/2012 và Vũ Thị Thanh A, sinh ngày 02/6/2021. Bà H và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Vũ Thị Thanh A. Đối với con chung tên Vũ Thị Hải Y, Vũ Thị Thu H1 nếu các cháu lựa chọn ở với cha hoặc mẹ thì người đó được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Xét thấy, từ lúc các con còn nhỏ đã ở cùng với cha và mẹ, khi ông T và bà H sống riêng thì các cháu vẫn ở với bà H, được bà H chăm sóc tốt, các cháu vẫn được học hành đầy đủ, đã quen với môi trường, điều kiện sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt các cháu đều là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc tỷ mỷ từ người mẹ. Đồng thời, tại bản trình bày của các cháu Vũ Thị Hải Y, Vũ Thị Thu H1 thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị H. Xét về điều kiện thời gian, bà H làm công việc may gia công tại nhà nên có nhiều thời gian để chăm sóc các con chung, còn ông T làm công việc kỹ sư thủy lợi, thường tăng ca và hay đi công trình xa, không có thời gian cố định. Mặt khác, từ thời điểm cha và mẹ hai cháu sống riêng thì các cháu đã bắt đầu thiếu hụt đi tình cảm trọn vẹn của một gia đình, do đó việc các cháu mong muốn được chung sống cùng nhau để bù đắp cho tình cảm thiếu hụt, để được giữ vững tâm lý nhằm phát triển một cách bình thường như nhưng những trẻ em khác, đồng thời các cháu không muốn thay đổi môi trường ăn ở, học tập, đây là nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của các con nên cần được tôn trọng và bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H yêu cầu ông Vũ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng thấy rằng: Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con",* căn cứ nhu cầu học tập, ăn ở, sinh hoạt của các cháu, việc bà H yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung là đúng quy định. Xét điều kiện kinh tế, ông T làm kỹ sư thủy lợi, mức thu nhập trung bình mỗi tháng là 25.000.000 đồng, đồng thời còn có nguồn thu nhập từ việc cho thuê nhà mỗi tháng 3.500.000 đồng, trừ chi phí sinh hoạt hàng ngày tối thiểu của một người, căn cứ mức thu nhập của ông T và quy định của pháp luật về mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử, yêu cầu của bà H về việc buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con chung, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Vũ Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Vũ Văn T.

- Về con chung: Giao 03 người con chung tên Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 25/02/2010; Vũ Thị Thu H1, sinh ngày 07/06/2012 và Vũ Thị Thanh A, sinh ngày 02/6/2021 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Vũ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con chung, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005856 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị H còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được

sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh